

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **78** /UBND-TT
V/v hướng dẫn thực hiện
Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày
09/01/2019 của Thủ tướng
Chính phủ năm 2021

Hà Nội, ngày **20** tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Các cơ quan báo chí, đơn vị phát hành
thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn” giai đoạn 2019-2021 năm 2021 (Quyết định số 45/QĐ-TTg).

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020”; Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020”; Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành.

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về phê duyệt số lượng, đối tượng thụ hưởng các ấn phẩm báo, tạp chí năm 2021 theo Quyết định số 45/QĐ-TTg, Ủy ban Dân tộc đề nghị các báo, tạp chí thực hiện một số nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Triển khai thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg về “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn” giai đoạn 2019-2021 năm 2021, đảm bảo chất lượng kịp thời, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

II. SỐ LƯỢNG, ĐỐI TƯỢNG, QUY CÁCH

1. Báo Dân tộc và Phát triển (Ủy ban Dân tộc)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 21.229 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, 15.587 thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III và 469 chùa Khmer, mỗi đơn vị 01 tờ/1 kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 29 x 41cm; tổng 16 trang in 4 màu, giấy định lượng 58-60g/m², độ trắng 84-86 ISO.

2. Tạp chí Dân tộc (Ủy ban Dân tộc)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tháng;

- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 19 x 26,5cm; tổng 64 trang, trong đó 60 trang ruột (28 trang in 4 màu, 32 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng 60-70 g/m², độ trắng 84-86 ISO, 4 trang bìa 4 in màu trên giấy Couché 120-150 g/m².

3. Chuyên trang “Dân tộc thiểu số và miền núi” trên Báo Nhân dân hàng ngày (Báo Nhân dân)

- Số kỳ xuất bản: 01 trang kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 30.096 tờ/kỳ; cấp cho 30.006 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, mỗi người 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 90 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 42 x 58cm; tổng 08 trang, trong đó có 01 trang “Dân tộc thiểu số và miền núi”, những nội dung tin, bài, ảnh trên trang 1, trang 8, ½ trang 4 và các trang còn lại; giấy IB 58 định lượng 48g/m².

4. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Đại biểu nhân dân (Văn phòng Quốc hội)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Hội đồng nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 32 trang, trong đó 28 trang ruột (12 trang in 4 màu, 16 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

5. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Đại đoàn kết (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 5.642 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi và 469 chùa Khmer, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 32 trang, trong đó 28 trang ruột (12 trang in 4 màu, 16 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

6. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Công thương (Bộ Công Thương)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;
- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;
- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 32 trang, trong đó 28 trang ruột (12 trang in 4 màu, 16 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

7. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;
- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;
- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 32 trang, trong đó 28 trang ruột (12 trang in 4 màu, 16 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

8. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Tin tức (Thông tấn xã Việt Nam)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;
- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;
- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 32 trang, trong đó 28 trang ruột (12 trang in 4 màu, 16 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

9. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Cựu chiến binh Việt Nam (Hội Cựu chiến binh Việt Nam)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tháng;
- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Hội cựu chiến binh xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ.
- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 40 trang, trong đó 36 trang ruột (12 trang in 4 màu, 24 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

10. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Phụ nữ Việt Nam (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tháng;

- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Hội phụ nữ xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 40 trang, trong đó 36 trang ruột (12 trang in 4 màu, 24 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

11. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” Báo Tài nguyên và Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tháng;

- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 40 trang, trong đó 36 trang ruột (12 trang in 4 màu, 24 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

12. Phụ trương “An ninh biên giới” Báo Biên phòng (Bộ Tư Lệnh Bộ đội Biên phòng)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tháng;

- Số lượng phát hành: 10.627 tờ/kỳ; cấp cho 10.537 thôn bản thuộc các xã, phường biên giới, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 90 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 28 x 41cm; tổng 28 trang, trong đó 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu; 24 trang ruột in 2 màu giấy định lượng 45-48g/m², độ trắng tối thiểu 84 ISO.

13. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Sức khỏe và Đời sống (Bộ Y tế)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 5.173 tờ/kỳ; cấp cho 5.059 Ủy ban nhân dân xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 28 trang, trong đó 24 trang ruột (12 trang in 4 màu, 12 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

14. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Nông thôn ngày nay (Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 17.619 tờ/kỳ; cấp cho 1.918 Hội nông dân xã thuộc khu vực III, 15.587 chi hội nông dân thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 28 trang, trong đó 24 trang ruột (12 trang in 4 màu, 12 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m²; độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

15. Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Tiền phong (Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh)

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 17.619 tờ/kỳ; cấp cho 1.918 Đoàn xã thuộc khu vực III và 15.587 chi đoàn thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 28 trang, trong đó 24 trang ruột (12 trang in 4 màu, 12 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m²; độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

16. Chuyên đề “Thanh niên khởi nghiệp - Làm giàu” Báo Tuổi trẻ Thủ đô

- Số kỳ xuất bản: 01 kỳ/tuần;

- Số lượng phát hành: 17.619 tờ/kỳ; cấp cho 1.918 Đoàn xã thuộc khu vực III, 15.587 chi đoàn thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 28 trang, trong đó 24 trang ruột (12 trang in 4 màu, 12 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m²; độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

17. Chuyên đề “Dân tộc và miền núi” của Tạp chí Nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ Việt Nam)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tháng;

- Số lượng phát hành: 18.088 tờ/kỳ; cấp cho 1.918 Hội Chữ thập đỏ các xã thuộc khu vực III, 15.587 Chi Hội Chữ thập đỏ thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III và 469 Chùa Khmer, mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiều và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 28 trang, trong đó 24 trang ruột (12 trang in 4 màu, 12 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m²; độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m²

in 4 màu.

18. Chuyên đề “Măng non” của Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng (Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tháng;

- Số lượng phát hành: 104.417 tờ/kỳ; cấp cho 104.303 lớp thuộc trường tiểu học các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi lớp 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 20 trang, trong đó 16 trang ruột (12 trang in 4 màu, 04 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

19. Chuyên đề “Thiếu nhi Dân tộc” của Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng (Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh)

- Số kỳ xuất bản: 02 kỳ/tháng;

- Số lượng phát hành: 52.201 tờ/kỳ; cấp cho 52.087 lớp thuộc trường trung học cơ sở các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trường dân tộc nội trú, dân tộc bán trú cụm xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, mỗi lớp 01 tờ/kỳ. Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ;

- Quy cách: Khuôn khổ 20 x 28cm; tổng 20 trang, trong đó 16 trang ruột (12 trang in 4 màu, 04 trang in 2 màu) in trên giấy định lượng tối thiểu 60g/m², độ trắng 84 - 86 ISO); 04 trang bìa giấy Couché định lượng tối thiểu 100g/m² in 4 màu.

III. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC ÁN PHẨM

Các cơ quan báo, tạp chí thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch xuất bản ấn phẩm đảm bảo chất lượng, nội dung, hình thức cụ thể như sau:

1. Thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích; phát huy thế mạnh, khai thác, chuyển tải thông tin của đơn vị báo chí phù hợp với nhu cầu tiếp nhận thông tin của đối tượng thụ hưởng.

2. Các tác phẩm báo chí được đăng trên ấn phẩm là những tác phẩm mới, không sao chép, sử dụng lại tin, bài cũ; nội dung tin bài phù hợp phong tục, tập quán, văn hóa và đảm bảo cân đối theo vùng, miền, thành phần dân tộc,....

3. Hình thức chuyển tải thông tin ngắn gọn, rõ ràng, dễ đọc, dễ hiểu; hạn chế dùng ngôn từ và hình ảnh nhạy cảm, đa nghĩa; tăng cường hình ảnh minh họa.

4. Nội dung tin, bài đảm bảo theo định hướng tuyên truyền của Ủy ban Dân tộc.

5. Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ. Trong đó 33 tờ lưu tại tòa soạn, 81 gửi cơ quan quản lý (có danh sách kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các báo, tạp chí xây dựng phương án giá xuất bản ấn phẩm (bao gồm chi phí xuất bản và phát hành) gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính để thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2. Các báo, tạp chí tham gia thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện từ đầu năm 2021.

3. Hằng tháng, các báo, tạp chí xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên ấn phẩm trình của cơ quan chủ quản phê duyệt để tổ chức thực hiện và đồng thời gửi về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tuyên truyền).

4. Đơn vị phát hành báo, tạp chí đảm bảo đến đúng các đối tượng thụ hưởng tại Quyết định số 45/QĐ-TTg theo hợp đồng ký kết giữa Ủy ban Dân tộc và đơn vị phát hành.

5. Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các địa phương có đối tượng thụ hưởng theo Quyết định số 45/QĐ-TTg xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, rà soát đối tượng thụ hưởng, tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc, tăng cường công tác hậu kiểm nội dung, chất lượng, số lượng ấn phẩm báo, tạp chí đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg, Ủy ban Dân tộc đề nghị các báo, tạp chí và các cơ quan, đơn vị liên quan nếu có những vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh về Ủy ban Dân tộc để được xem xét, giải quyết, góp phần thực hiện tốt chủ chương của Đảng, chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT (để b/c);
- Vụ HCSN, NSNN, Cục giá (Bộ Tài chính);
- Ban (cơ quan công tác) dân tộc tỉnh (để p/h);
- Vụ KH-TC (UBĐT) (để p/h);
- Văn phòng (UBĐT) (để p/h);
- Lưu: VT, TT (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**




Hoàng Thị Hạnh

**DANH SÁCH GỬI BẢO LƯU CHIỀU VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ
THEO QĐ 45/QĐ-TTg**

(Kèm theo công văn số 78 /UBDT-TT, ngày 20/01/2021 của UBDT)

STT	Nơi nhận	Địa chỉ	Số lượng
1	Đồng chí Đỗ Văn Chiến Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
2	Đồng chí Nông Quốc Tuấn Thứ Trưởng, PCN UBDT	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
3	Đồng chí Hoàng Thị Hạnh Thứ Trưởng, PCN UBDT	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
4	Thứ Trưởng, PCN Lê Sơn Hải	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
5	Thứ Trưởng, PCN Y Thông	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
6	Hoàng Thị Lê Vụ trưởng, Vụ Tuyên truyền	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
7	Trần Tuấn Anh Phó Vụ trưởng, Vụ Tuyên truyền	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
8	Chuyên viên theo dõi báo, tạp chí Vụ Tuyên truyền	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
9	Bộ phận điểm báo, Vụ Tuyên truyền	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
10	Nguyễn Mạnh Huân, Vụ Trưởng, Vụ KH-TC	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
11	Phó Vụ trưởng, Vụ KH-TC phụ trách báo, chí Vụ KH-TC	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
12	Phòng Tài chính Kế toán, Vụ kế hoạch- Tài chính	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
13	Phòng Kế hoạch Thống kê, Vụ kế hoạch-Tài chính	349 Đội Cán, Ba Đình, Hà Nội	1
14	Vụ trưởng Vụ Hành chính Sự nghiệp	Bộ Tài chính, 28 Trần Hưng Đạo	1

15	Chuyên viên theo dõi thực hiện QĐ45 QĐ-TTg Vụ Hành chính Sự nghiệp, Bộ Tài Chính	Bộ Tài chính, 28 Trần Hưng Đạo	1
16	Vụ Trưởng, Vụ Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài Chính, 28 Trần Hưng Đạo	1
17	Phòng Quản lý ngân sách, Vụ Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài Chính, 28 Trần Hưng Đạo	1
18	Cục trưởng Cục Quản lý giá	Bộ Tài Chính, 28 Trần Hưng Đạo	1
19	Phòng giá hàng Công nghiệp tiêu dùng	Bộ Tài Chính, 28 Trần Hưng Đạo	1
20	Thứ trưởng Bộ Thông tin truyền thông - phụ trách báo tạp chí	18 Nguyễn Du, Hoàn Kiếm, HN	1
21	Lãnh đạo Cục Báo chí, Bộ Thông tin Truyền thông	92 C Lý Thờng Kiệt, HN	1
22	Phòng Quản lý báo chí TW - Cục Báo chí - Bộ Thông tin Truyền thông	92C Lý Thờng Kiệt, HN	1
23	Phó trưởng ban Thông trực Ban Tuyên giáo Trung ương	02B Hoàng Văn Thụ, HN	1
24	Vụ Báo chí xuất bản Ban Tuyên giáo Trung ương	02B Hoàng Văn Thụ, HN	1
25	Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Quốc hội, Hà Ngọc Chiến	37 Hùng Vong, HN	1
26	Vụ Dân tộc Hội đồng Dân tộc Quốc hội	37 Hùng Vong, HN	1
27	Phụ trách báo chí Vụ Khoa giáo - Văn xã Vũ Thị Bích Hằng	Văn phòng Chính phủ, 01 Hoàng Hóa Thám, HN	1
28	Ban Dân tộc - Tôn giáo, Ban Dân vận Trung ương	105B Quán Thánh	1
29	Ban Dân tộc An Giang (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	16C Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên	1
30	Ban Dân tộc Bà Rịa Vũng Tàu (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 11 Trường Chinh, phường Phước Trung, TP Vũng tàu.	1
31	Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 102 đường Bà Triệu phường 3, TP Bạc Liêu	1
32	Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang (Bộ phận	Khu Liên cơ quan quan	1

	theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	khôi Đảng, đoàn thể Quảng trường 3/2 TP Bắc Giang	
33	Ban Dân tộc tỉnh Bắc Kạn (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tổ 4, phường Đức Xuân, TP Bắc Kạn	1
34	Ban Dân tộc tỉnh Bình Định (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	06 Trần Phú, TP Quy Nhơn	1
35	Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	06 Trần Hưng Đạo, TX Đồng Xoài	1
36	Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 408 Thủ Khoa Huân, TP Phan Thiết	1
37	Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	59 đường 1-5 phường 5, TP Cà Mau	1
38	Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 62 Phố Bế Văn Đàn, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng	1
39	Ban Dân tộc thành phố Cần Thơ (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	30 Võ Thị Sáu, phường Tân An, Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	1
40	Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 6 đường Tô Hiến Thành - phường Nghĩa Tân - TP. Gia Nghĩa	1
41	Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	34 Phan Chu Trinh, phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột,	1
42	Ban Dân tộc tỉnh Điện Biên (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tổ 14, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ	1
43	Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	173B đường CMT8, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa	1
44	Ban Dân tộc tỉnh Giai Lai (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 07 Hai Bà Trưng, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku	1
45	Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tổ 4, Phường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Giang	1
46	Ban Dân tộc tỉnh Hà Nội (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 12, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	1

47	Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hà Tĩnh (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 19, đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Hà Tĩnh	1
48	Ban Dân tộc tỉnh Hậu Giang (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Đường Võ Văn Kiệt, khu vực 4, Phường 5, TP. Vị Thanh	1
49	Ban Dân tộc tỉnh Hòa Bình (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 572, đường Trần Hưng Đạo, TP. Hoà Bình	1
50	Ban Dân tộc tỉnh TP Hồ Chí Minh (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 108, đường Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5	1
51	Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	533 Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	1
52	Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	163 Bà Triệu, thành phố Kon Tum	1
53	Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Khu liên cơ II, số 04 Phan Chu Trinh, TP Nha Trang	1
54	Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tầng 5 nhà C trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Lai Châu	1
55	Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Đường Quang Trung, phường Chi Lăng	1
56	Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Khối IV, đường 30/4, phường Bắc Lệnh, TP Lào Cai	1
57	Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 3 Trần Phú, TP Đà Lạt	1
58	Ban Dân tộc tỉnh Ninh Bình (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Đường Lê Hồng Phong, TP. Ninh Bình,	1
59	Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	360 đường 21 - 8 Phước Mỹ, thị xã Phan Rang-Tháp Chàm	1
60	Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 3, Đinh Bạt Tụy, phường Trường Thi, thành phố Vinh	1
61	Ban Dân tộc tỉnh Phú Thọ (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 17, đường Trần Phú, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì	1

62	Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	76 Lê Duẩn, phường 7, thành phố Tuy Hoà	1
63	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	39 đường Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Đồng Hới	1
64	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	09 Trần Hưng Đạo, Thành Phố Tam Kỳ	1
65	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tầng 18, liên cơ quan số 3, phường Hồng Hà, TP. Hạ Long	1
66	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	64 Phạm Văn Đồng Thành Phố Quảng Ngãi	1
67	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	36 Trần Hưng Đạo, TP Đông Hà.	1
68	Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 6 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng	1
69	Ban Dân tộc tỉnh Sơn La (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tầng 5 toà 6 T1, TT hành chính tỉnh, Tổ 7, phường Tô Hiệu, TP Sơn La	1
70	Ban Dân tộc tỉnh Tuyên Quang (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tổ 06, phường Minh Xuân, thị xã Tuyên Quang	1
71	Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 17 đường Đội Cấn, TP. Thái Nguyên	1
72	Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 104 đường Triệu Quốc Đạt, Điện Biên, thành phố Thanh Hoá	1
73	Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 02, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế	1
74	Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Số 10, đường 19/5, Khóm 2, Phường 1, Thành phố Trà Vinh	1
75	Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Long (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	88 Hoàng Thái Hiếu, phường 1, Thành phố Vĩnh Long	1
76	Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Phố Đào Duy Anh, phường Đồng Đa, TP.	1

		Vĩnh Yên	
77	Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP Yên Bái	1
78	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tầng 18, Trụ sở Liên cơ quan số III, P. Hồng Hà, TP Hạ Long, Quảng Ninh	1
79	Phòng Khoa giáo - Văn xã, trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh Bình Dương (Bộ phận theo dõi QĐ 45/QĐ-TTg)	Tầng 16, Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một	1
80	Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hà Tĩnh	Số 19, đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Hà Tĩnh	1
81	Phòng Dân tộc tỉnh Long An thuộc Văn phòng UBND tỉnh Long An	61 Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Long An	1

Nộp lưu chiểu và gửi các cơ quan quản lý 114 tờ/kỳ: Trong đó: 33 cuốn nộp lưu chiểu và lưu tại tòa soạn; 81 cuốn gửi cơ quan quản lý.